Mục lục

[1 Giới thiệu vGuard Cloud Backup 1](#_Toc387569887)

[1.1 Web-console 1](#_Toc387569888)

[1.2 External API 1](#_Toc387569889)

[1.3 Tài khoản demo 1](#_Toc387569890)

[2 Nhu cầu 1](#_Toc387569891)

[2.1 Mục đích 1](#_Toc387569892)

[3 Mô hình 1](#_Toc387569893)

[3.1 Mô hình 1](#_Toc387569894)

[3.2 Diễn giải 2](#_Toc387569895)

[3.2.1 Các phân hệ chức năng 2](#_Toc387569896)

[3.2.2 Các thành phần hệ thống 2](#_Toc387569897)

[3.3 Sitemap 2](#_Toc387569898)

[3.3.1 Sitemap 2](#_Toc387569899)

[3.3.2 Các trang 2](#_Toc387569900)

[3.4 Giao diện 3](#_Toc387569901)

[Các phân hệ phía Customer 4](#_Toc387569902)

[4 Phân tích yêu cầu 4](#_Toc387569903)

[4.1 Login – All Roles (Phi) 4](#_Toc387569904)

[4.1.1 Phân tích chức năng 4](#_Toc387569905)

[4.1.1.1 Chi tiết 4](#_Toc387569906)

[4.2 Dashboard - Backup Job Overview – All Roles (Phi: popup, style; Phuc: report logic; Duy: report schedule & data) 4](#_Toc387569907)

[4.2.1 Mục đích 4](#_Toc387569908)

[4.2.2 Phân tích chức năng 5](#_Toc387569909)

[4.2.2.1 Chi tiết 5](#_Toc387569910)

[4.2.3 Cách thực hiện 6](#_Toc387569911)

[4.3 Dashboard - Storage Statistics – Manager (Phuc + Duy + Phi) 6](#_Toc387569912)

[4.3.1 Phân tích chức năng 6](#_Toc387569913)

[4.3.1.1 Chi tiết 6](#_Toc387569914)

[4.4 Admin account – Manager (Phuc + Duy + Phi: Report) 7](#_Toc387569915)

[4.4.1 Phân tích chức năng 7](#_Toc387569916)

[4.5 Backup Set – Manager, Admin (Phuc + Duy + Phi) 8](#_Toc387569917)

[4.5.1 Mục đích 8](#_Toc387569918)

[4.5.2 Phân tích chức năng 8](#_Toc387569919)

[4.5.2.1 Chi tiết 8](#_Toc387569920)

[4.6 Rerport – Overview – Manager (Phuc) 13](#_Toc387569921)

[4.7 Report - Admin Account – Manager + Admin (Duy + Phi) 14](#_Toc387569922)

[4.7.1 Mục đích 14](#_Toc387569923)

[4.7.2 Phân tích chức năng 14](#_Toc387569924)

[4.7.2.1 Chi tiết 14](#_Toc387569925)

[4.8 Report - Backup set – Manager, Admin, VnttAdmin (Duy + Phi) 16](#_Toc387569926)

[4.8.1.1 Chi tiết 16](#_Toc387569927)

[4.9 Report – Detailed Backup Logs (Duy + Phi) 18](#_Toc387569928)

[4.9.1.1 Chi tiết 18](#_Toc387569929)

[4.9.2 Cách thực hiện 18](#_Toc387569930)

[4.10 System Log (Ngoc + Phi) 18](#_Toc387569931)

[4.10.1 Mục đích 18](#_Toc387569932)

[4.10.2 Phân tích chức năng 19](#_Toc387569933)

[4.10.2.1 Tổng quan 19](#_Toc387569934)

[4.10.2.2 Chi tiết 19](#_Toc387569935)

[4.10.3 Cách thực hiện 19](#_Toc387569936)

[4.11 Download (Vntt + Phi) 19](#_Toc387569937)

[4.12 Account Settings (Phuc + Duy) 19](#_Toc387569938)

[4.12.1 Mục đích 19](#_Toc387569939)

[4.13 Account Settings – Email/SMS Report 20](#_Toc387569940)

[4.13.1 Mục đích 20](#_Toc387569941)

[4.13.1.1 Chi tiết 20](#_Toc387569942)

[4.13.2 Cách thực hiện 20](#_Toc387569943)

[Các phân hệ phía VNTT 21](#_Toc387569944)

[1 Phân hệ Admin 21](#_Toc387569945)

[1.1 Quản lý gói dịch vụ ( 🡪 Phi) 21](#_Toc387569946)

[1.2 Quản lý thông tin KH (🡪 Phi) 21](#_Toc387569947)

[1.2.1 Cá nhân 21](#_Toc387569948)

[1.2.2 Tổ chức 22](#_Toc387569949)

[1.3 Theo dõi tình trạng backup (🡪Phi + Phuc: Core UI) 22](#_Toc387569950)

[1.4 Xem chi tiết tình trạng Backup set – Reuse 4.8 23](#_Toc387569951)

[1.5 Quản lý thông tin OBS Server (Phi) 23](#_Toc387569952)

[1.6 Quản lý thao tác phục hồi (Phi) 23](#_Toc387569953)

[1.7 Quản lý thao tác thay đổi settings 24](#_Toc387569954)

[2 Phân hệ Sub-Admin (Chỉ view) - Reuse 4.2 25](#_Toc387569955)

[2.1 Chức năng 25](#_Toc387569956)

# Giới thiệu vGuard Cloud Backup

## Web-console

Web-console là Web-app được cung cấp tại địa chỉ <https://sv.vguard.vn> để KH quản lý quá trình sử dụng dịch vụ vGuard Cloud Backup. Với Web-console này, KH có thể thiết lập các cấu hình, theo dõi kết quả sao lưu hàng ngày, hoặc xem các report, thống kê.

## External API

(download tại: <https://www.dropbox.com/s/j5lo2s87v1vf87l/guide_obs_admin.pdf>).

## Tài khoản demo

* **vGuard Lite:**
  + Login Name: vntt-demo-lite
  + Password: vntt-demo-lite-pass
* **vGuard Pro:**
  + Login Name: vntt-demo-pro
  + Password: vntt-demo-pro-pass

Download phần mềm tại <http://vguard.vn/download>. Truy cập Web-console tại <https://sv.vguard.vn>.

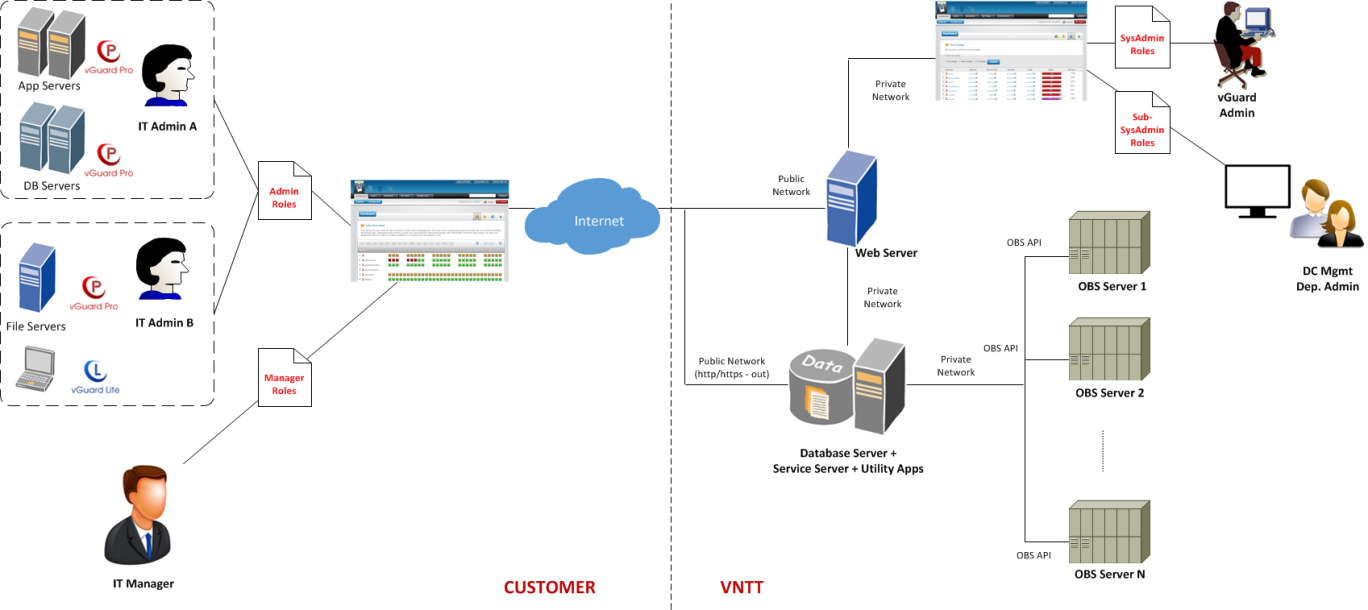
# Nhu cầu

* Tóm lại, khi sử dụng vGuard, KH được cung cấp 2 loại account như sau:
  + **Manager account:**
    - Account này do hệ thống Web-portal của vGuard quản lý, hoàn toàn không có trong Web-console của Ahsay. Account này không thể sử dụng để đăng nhập vào phần mềm vGuard Lite/Pro.
    - Mỗi KH (công ty) được cấp duy nhất 1 account này, IT Manager là người sử dụng để quản lý chung. Nếu cty chỉ có 1 IT Personnel thì account được cấp cho người này.
  + **Admin account:**
    - Account này là account có trong Web-console của Ahsay.
    - Các account này được IT Manager tạo ra bằng cách thao tác với Portal, được sử dụng để cài đặt lên phần mềm vGuard Lite/Pro nhằm sao lưu dữ liệu.

Mục đích

# Mô hình

## Mô hình



## Diễn giải

### Các phân hệ chức năng

Toàn bộ hệ thống gồm có 4 phân hệ dành cho 2 đối tượng người dùng là Customer (Khách hàng - KH) và VNTT:

* Các phân hệ dành cho Customer:
  + **Manager Portal:**

**Admin Portal:**

* Các phân hệ dành cho VNTT:
  + **Admin Portal:**
  + **Sub-Admin Portal:**

### Các thành phần hệ thống

* + **Web Server:**
  + **Database Server + Service Server + Utility Apps:**
  + **OBS Server:**

## Sitemap

### Sitemap

### Các trang

* **Login:**
* **Dashboard:**
* **Admin Account:**
* **Backup Set:**
* **Report:**
* **System Log:**
* **Download:**
* **Account Settings:**

## Giao diện

Portal sẽ sử dụng một giao diện được mua từ các trang chuyên bán template như <http://themeforest.net>

# Các phân hệ phía Customer

# Phân tích yêu cầu

## Login – All Roles (Phi)

### Phân tích chức năng

#### Chi tiết



* **Login:**
  + Manager account: Kiểm tra trong DB của Portal. Nếu OK thì đăng nhập vào với role Manager 🡪 Manager Portal
  + **Admin account:** Kiểm tra trên các OBS Server (gọi API của OBS Server thông qua Web-service). Nếu OK thì đăng nhập vào với role Admin 🡪 Admin Portal
* **Reset password:**
  + Manager account:
    - Nhập email để hệ thống gửi link trang Reset password vào email (kiểm tra email)
    - User click vào link để đến trang Reset password và thực hiện thay đổi
    - Trang Reset password chỉ available trong 24h
  + Admin account:
    - Tương tự các bước trên. Tuy nhiên, sau khi reset password thì gửi một email nhắc nhở KH về việc cần phải cập nhật password mới vào phần mềm vGuard Lite/Pro để đảm bảo schedule chạy OK

## Dashboard - Backup Job Overview – All Roles (Phi: popup, style; Phuc: report logic; Duy: report schedule & data)

### Mục đích

* Đây là trang default sau khi user đăng nhập

### Phân tích chức năng

#### Chi tiết

* Với mỗi Backup set, tình trạng backup của từng ngày (Backup job) được show theo màu sắc với độ ưu tiên như sau:
  + Xanh lá cây: Succesful
  + Đỏ: Error
  + Vàng: Warning
  + Tím: In Progress
  + Xanh da trời: Missed
  + Xám: No backup job

Vì trong 1 ngày, có thể có nhiều Backup job chạy (ví dụ cứ 4 tiếng chạy backup 1 lần), các lần chạy có thể có tình trạng khác nhau (có lần Successful, có lần Error, có lần Warning,…). Do đó, màu sắc thể hiện tình trạng của 1 ngày là tổng hợp của tất cả các Backup job của ngày đó. Theo thứ tự ưu tiên màu sắc như sau:

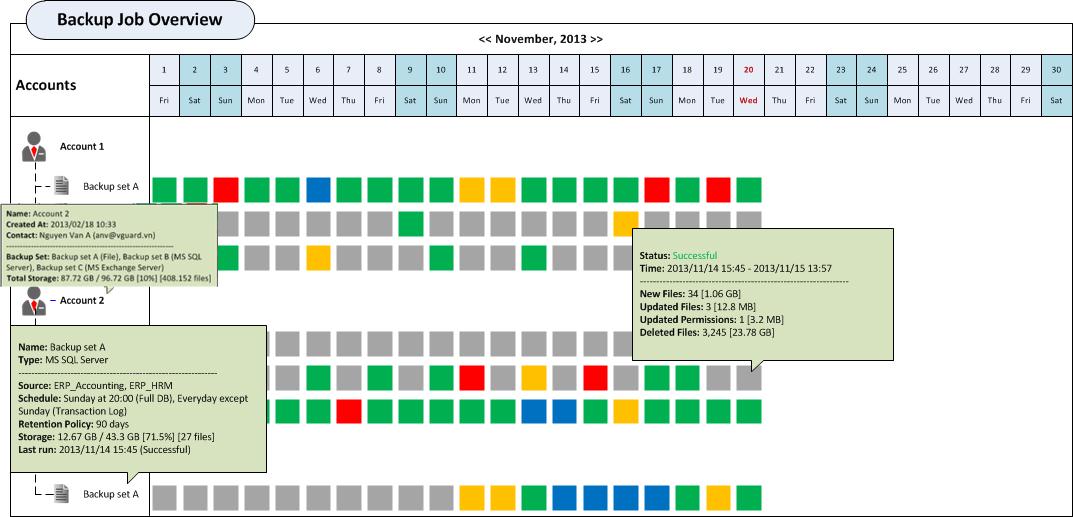
Đỏ > Vàng > Xanh da trời > Tím > Xanh lá cây > Xám

* + Error> Warning> Missed>: In Progress> Succesful> No backup job

VD: Trong 10/01/2014 có 6 Backup job chạy, trong đó có 4 lần Successful, 1 lần Warning, 1 lần Error thì kết quả show màu đỏ (Error). Giả sử có 4 lần Successful và 2 lần Warning thì show màu vàng (Warning).

🡪 Lưu ý: Developer có thể thay đổi màu sắc hoặc cách phối hợp màu sắc theo một cách khác hợp lý hơn.

* Khi rê chuột vào từng đối tượng thì show popup thông tin tổng quan/chi tiết:
  + Rê chuột vào Ngày: Popup tổng quan về kết quả các Backup job chạy trong ngày hôm đó
  + Rê chuột vào Backup set: Popup thông tin tổng quan về Backup set
  + Rê chuột vào Admin account: Popup thông tin tổng quan về Admin account
* Khi click chuột vào từng đối tượng thì bay đến trang tương ứng:
  + Click vào Ngày: Bay đến trang Report – Backup set
  + Click vào Backup set: Bay đến trang Backup set
  + Click vào Admin account: Bay đến trang Admin account
* Có thể thay đổi ngày/tháng/năm để show report những ngày trước đó



### Cách thực hiện

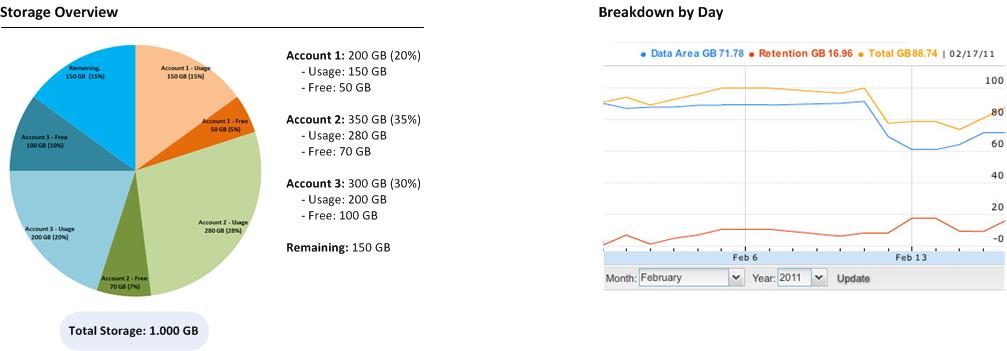
* Mỗi ngày 1 lần, get dữ liệu report của ngày hôm trước từ OBS Server về lưu trong DB của Portal. Với dữ liệu của ngày hôm qua trở về trc, truy xuất từ DB của Portal. Với dữ liệu của hôm nay, truy xuất từ DB của OBS Server.
* Dựa trên schedule của Backup set (VD: Chạy mỗi ngày 2 lần vào 12h00 và 18h00, Chạy mỗi tuần 1 lần vào 20h00 thứ 7,…), so sánh với kết quả chạy các Backup job có được (lấy từ DB của Portal hoặc OBS Server) để biết được là ngày hôm đó có Backup job hay không, nếu có thì đang Running, đã Completed hay đã bị Missed. Nếu đang Running hoặc đã Completed thì lấy Status cũng như Report của Backup job show lên.

## Dashboard - Storage Statistics – Manager (Phuc + Duy + Phi)

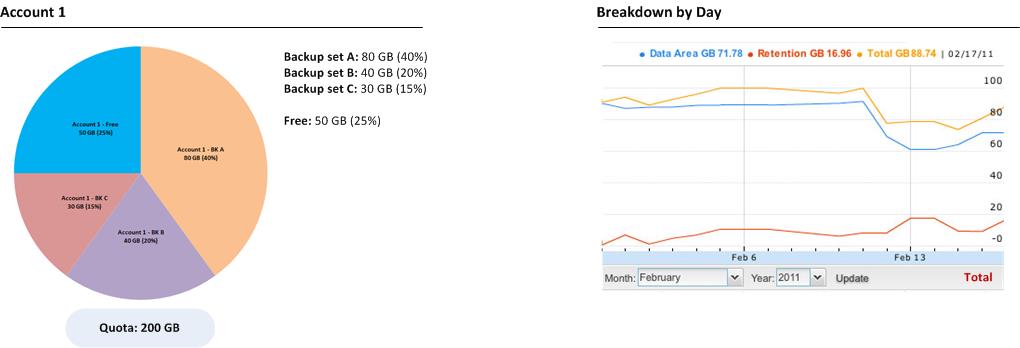
### Phân tích chức năng

#### Chi tiết

* Các đối tượng thông tin cần thể hiện:
  + **Storage Overview:**
    - Biểu đồ tròn thể hiện tình hình dung lượng lưu trữ của tài khoản Manager account và biểu đồ đường thể hiện sự thay đổi của các giá trị Data Area, Retention Area, Total Storage.



* + - Biểu đồ tròn: Account 1 dùng bao nhiêu, còn trống bao nhiêu? Account 2 dùng bao nhiêu, còn trống bao nhiêu,…?...Tổng cộng toàn bộ account còn trống bao nhiêu?
    - Biểu đồ đường: Sự thay đổi giá trị Data Area, Retetion Area, Total Storage ở tháng hiện tại của tài khoản Manager account 🡪 Có thể thay đổi để xem bểu đồ của các tháng trước đó.
  + **Account 1:**



* + - Biểu đồ tròn: Backup set A chiếm bao nhiêu? Backup set B chiếm bao nhiêu?...Tổng cộng account còn trống bao nhiêu?
    - Biểu đồ đường:
      * Sự thay đổi giá trị Data Area, Retetion Area, Total Storage ở tháng hiện tại của tài khoản Manager account
      * Mặc định show con số Total, nhưng cho phép chọn để xem từng Backup set.
      * Cho phép xem các tháng trước đó.

## Admin account – Manager (Phuc + Duy + Phi: Report)



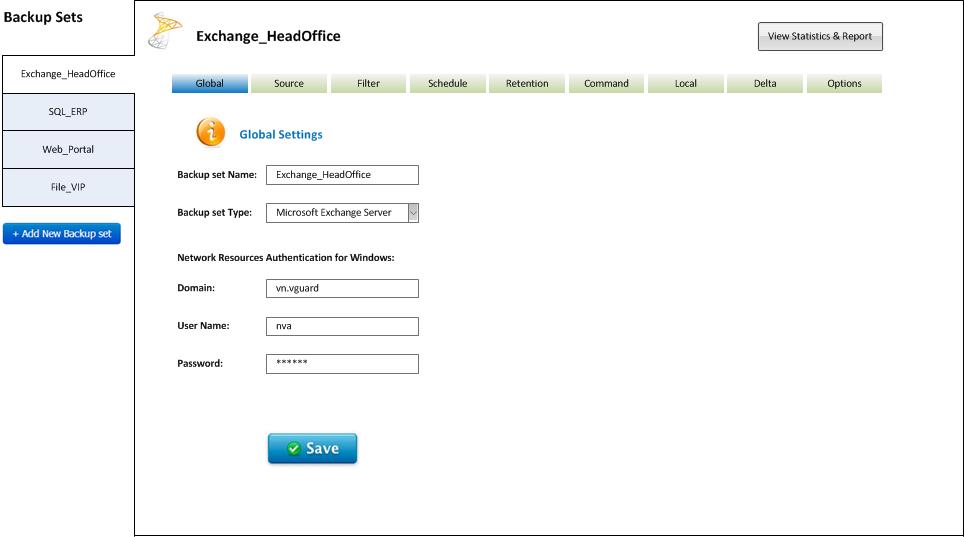
### Phân tích chức năng

* **Các chức năng:**
  + View/Edit: Màn hình view/edit ở chung 1 trang
  + Create New: màn hình tạo account mới (có thể sử dụng chính màn hình View/Edit)
  + Delete: Xóa tài khoản 🡪 Vì xóa account này thì mọi dữ liệu backup của account đề bị xóa, nên cần confirm chặt (VD: Nhập chữ OK vào form để xác nhận xóa)
* **Các thông tin ở mục View/Edit và Create New Account:**
  + **Profile:**
    - Username: Bắt buộc
    - Password: Bắt buộc
    - Email: Bắt buộc
    - Phone: Tùy chọn 🡪 Sử dụng để gửi report qua SMS
    - Description: Tùy chọn
    - Disable this account
  + **Software & Storage:**
    - Software: vGuard Pro hay vGuard Lite
    - Storage Quota:
      * Chỉ cho phép tăng thêm Quota tối đa bằng dung lượng còn trống của account Manager account.
      * Nếu account đã có dữ liệu: Nếu giảm dung lượng xuống dưới tổng dung lượng hiện tại của Admin account thì cảnh báo.

🡪 Nếu account đã có dữ liệu thì show dung lượng lưu trữ (Usage, Free) và vẽ biểu đồ show rõ dung lượng lưu trữ của từng Backup set để user dễ hình dung.

Cần lưu trữ thêm trong DB của Portal để thực hiện một số thao tác riêng mà OBS Server không hỗ trợ. VD: Gửi report qua Email, SMS, Setting số Phone,…

## Backup Set – Manager, Admin (Phuc + Duy + Phi)



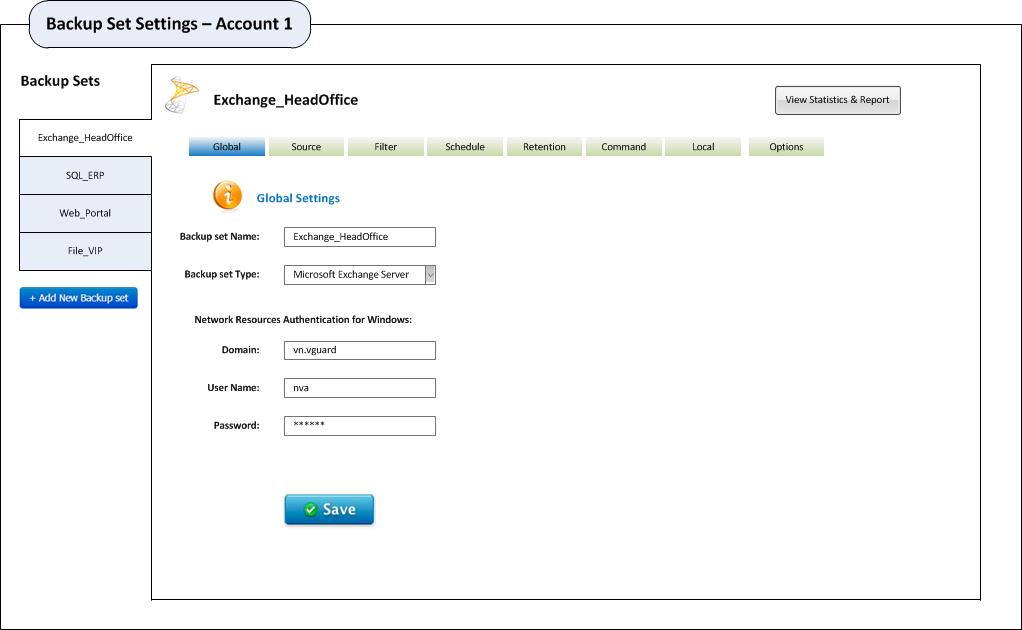
### Mục đích

* Cho phép Manager account có thể setting các Backup set của tất cả các Admin account.

### Phân tích chức năng

#### Chi tiết

* **Global:**

****

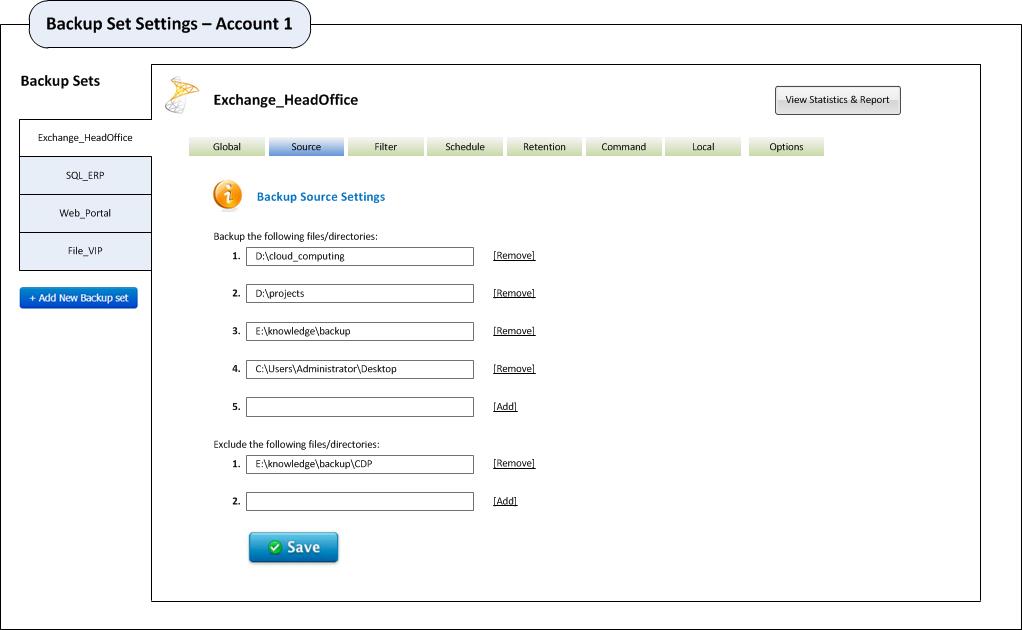
* + - Có các Type như bên dưới. Tùy theo Type của Backup set mà có thêm setting tương ứng về Vesion, Host name, Account,…
      * File:
        + Ko có setting
      * MS SQL Server:
        + Server: IP Address hoặc Hostname, Login ID: Username đăng nhập SQL Server, Password: Password đăng nhập SQL Server
      * MS Exchange Server:
        + Version của Exchange Server: MS Exchange Server 2000 post-SP3, MS Exchange Server 2003, MS Exchange Server 2007, MS Exchange Server 2010, MS Exchange Server 2013, MS Exchange Server 2010 (DB Availability Group), MS Exchange Server 2013 (DB Availability Group)

🡪 Cần thiết kế DB hợp lý để sau này có thể thêm version khi có phiên bản mới

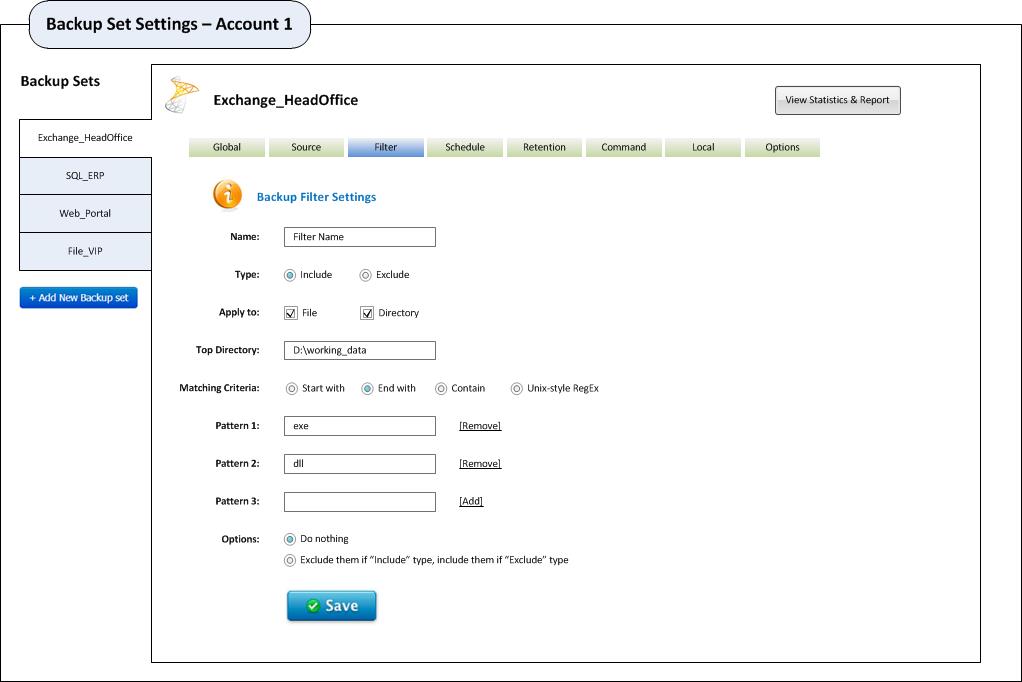
* + - * MS Exchange Mail Level:
        + Version của Exchange Server: MS Exchange Server 2000 post-SP3, MS Exchange Server 2003, MS Exchange Server 2007, MS Exchange Server 2010, MS Exchange Server 2013, MS Exchange Server 2010 (DB Availability Group), MS Exchange Server 2013 (DB Availability Group)

🡪 Cần thiết kế DB hợp lý để sau này có thể thêm version khi có phiên bản mới

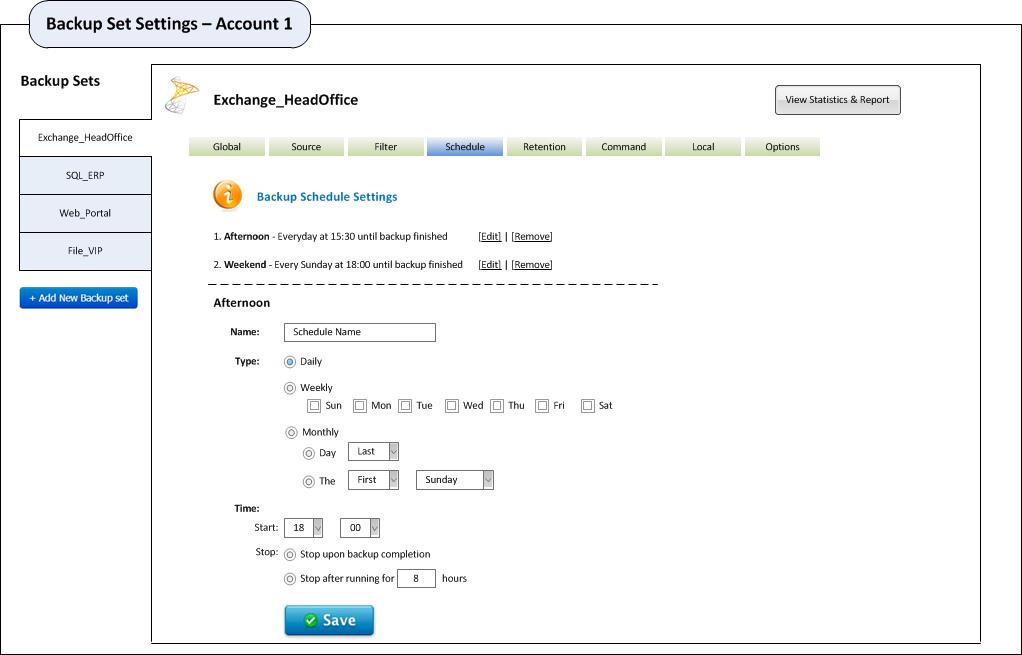
* + - * Oracle Database:
        + Login ID, Password, Host: IP Address hoặc Hostname, Port
        + SID
      * MySQL Database:
        + Username, Password, Host: IP Address/Host name, Port
        + Path to mysqldump: Đường dẫn đến file mysqldump
      * Lotus Domino:
        + Path to notes.ini: Đường dẫn đến file notes.ini
      * Lotus Notes:
        + Path to notes.ini: Đường dẫn đến file notes.ini
      * MS Windows System State:
        + Không có setting
      * MS Windows System Backup:
        + Không có setting
      * ShadowProtect System:
        + Path to StorageCraft ShadowProtect: Đường dẫn đến StorageCraft ShadowProtect
      * VMware VM:
        + Version: VMware vSphere ESX 3.5/4 (with VDDK), VMware vSphere ESXi 3.5/4/5 (with VDDK), VMware Server 1, VMware Server 2, VMware Workstation 6/6.5/7, VMware Workstation 8/9, VMware Player 3/4/5, VMware vCenterr 4/5 (with VDDK)
        + Username: root (Default, không thay đổi), Password, Host, Port, SSH Port
      * MS Hyper-V VM:
        + Version của MS Hyper-V: MS Hyper-V Server 2008, MS Hyper-V Server 2008 R2, MS Hyper-V Server 208 R2 (Failover Cluster), MS Hyper-V Server 2012
  + Network Resources Authentication for Windows:
    - Domain: Chuỗi domain
    - User Name: Username
    - Password: Password
* **Source:**

****

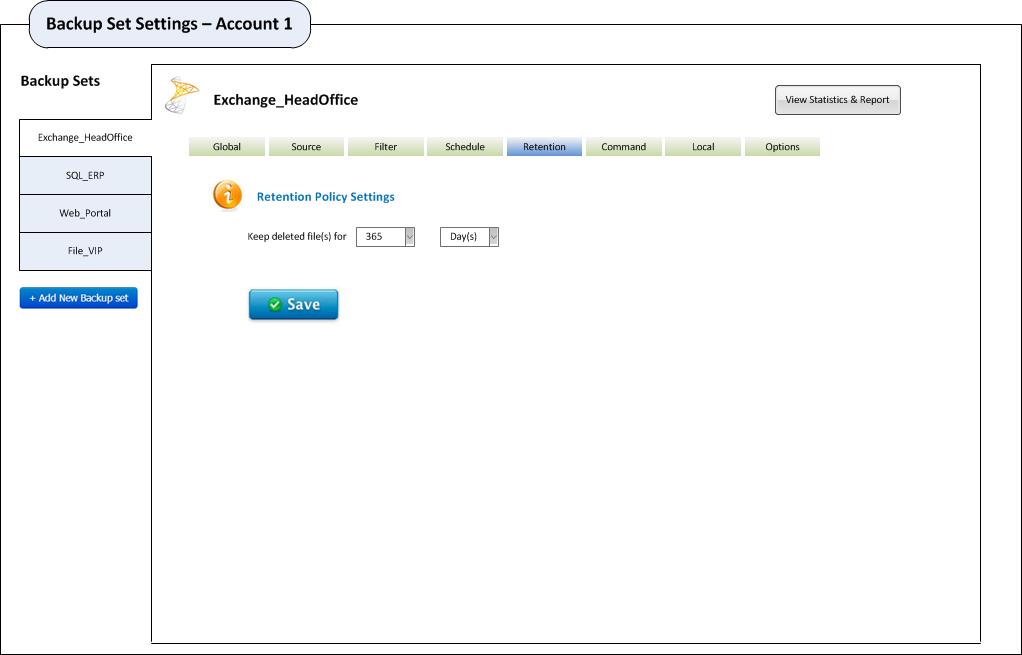
* + Chuỗi text thể hiện file/directory cần backup
  + Cho phép Add/Remove và Exclude
* **Filter:**

****

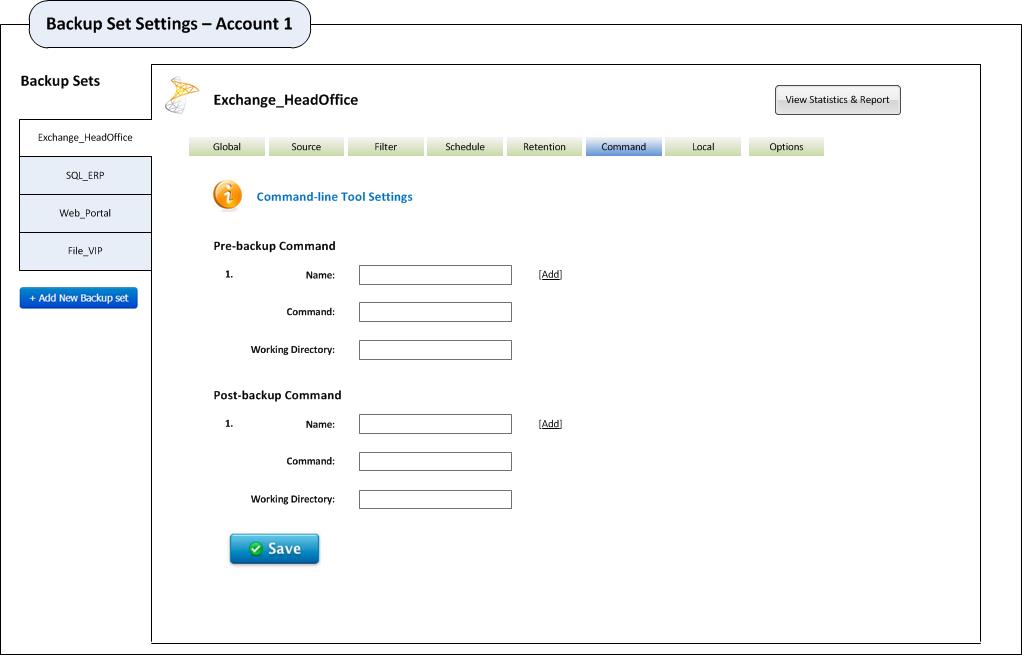
* **Schedule:**

****

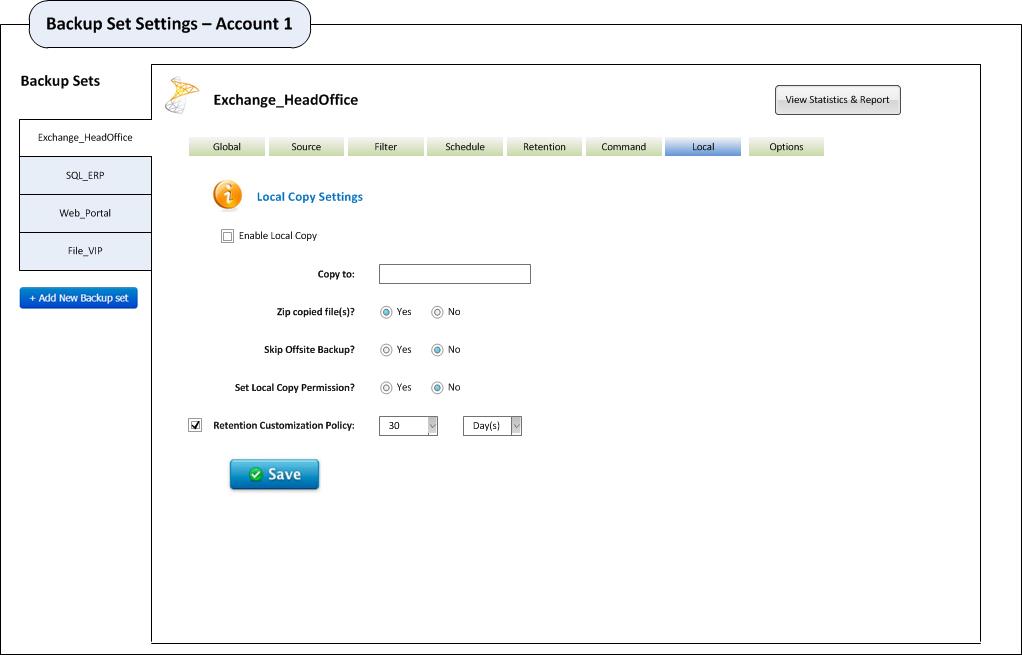
* **Retention:**

****

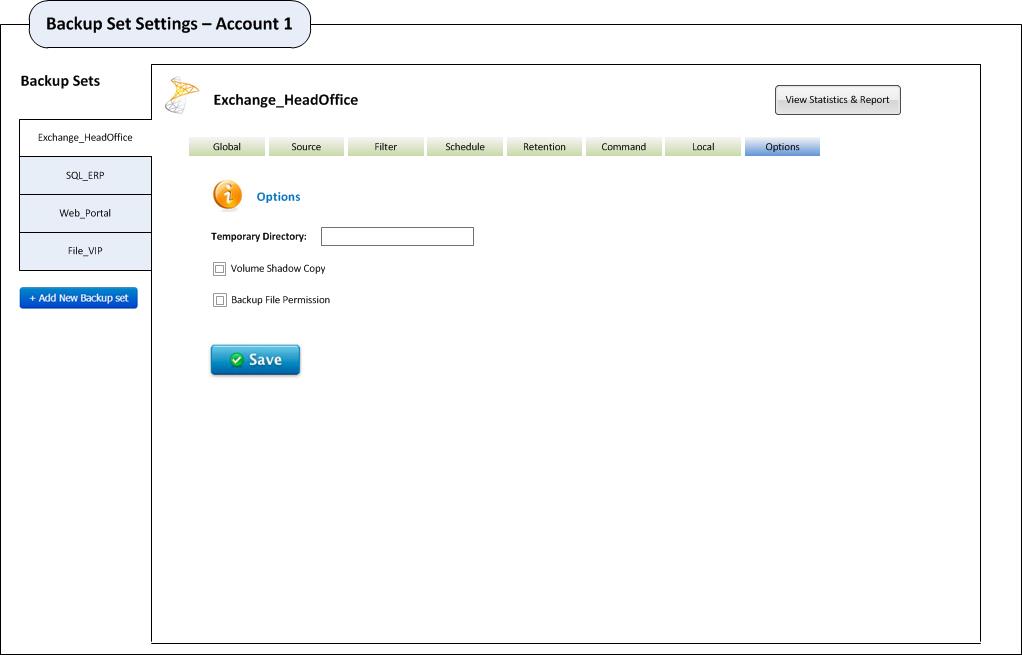
* **Command:**

****

* **Local:**

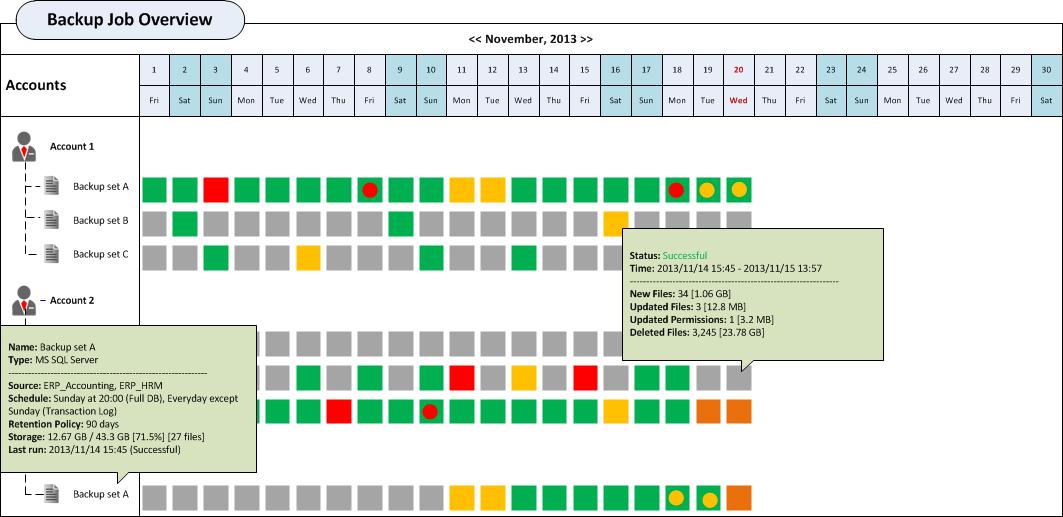
****

* **Options:**

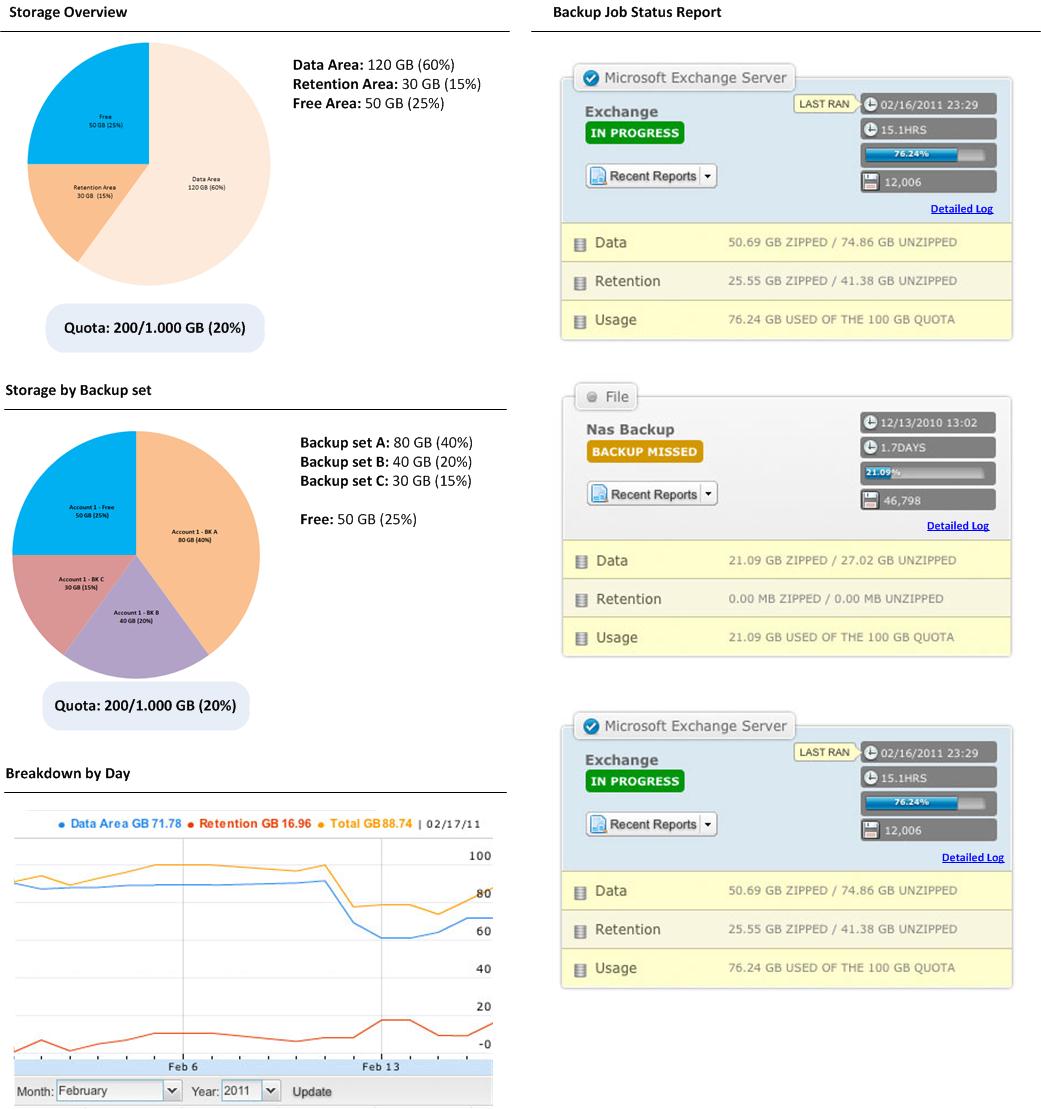
****

## Rerport – Overview – Manager – Resuse 4.2 (Phuc)

* Giống hệt Dashboard – Backup Job Overview



## Report - Admin Account – Manager + Admin (Duy + Phi)



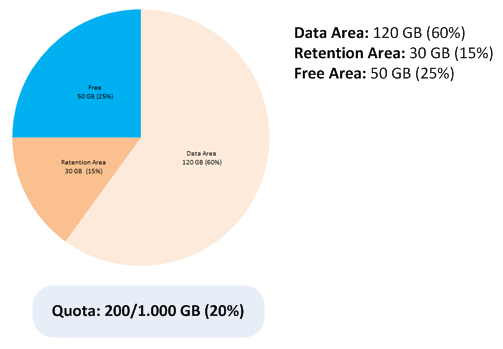
### Mục đích

* Cung cấp report chi tiết về tình hình lưu trữ, kết quả chạy tất cả các Backup job của 1 account.

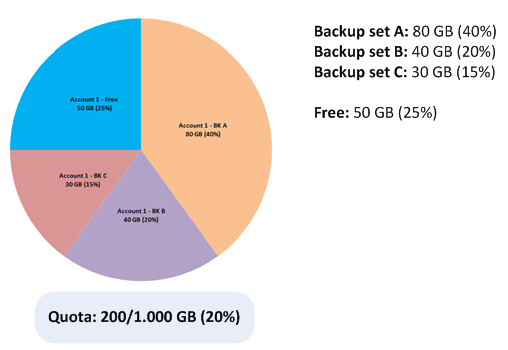
### Phân tích chức năng

#### Chi tiết

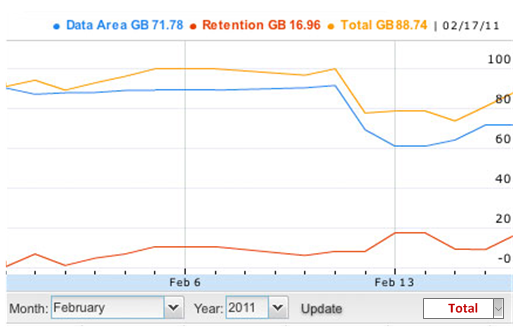
* **Storage Overview:**



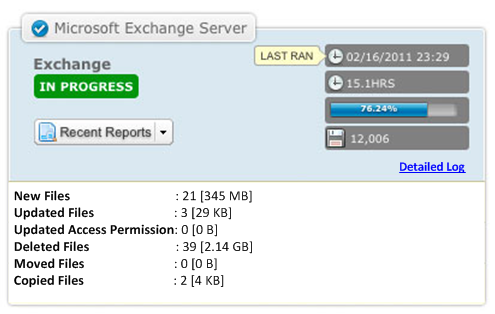
* **Storage by Backup set:**



* **Breakdown by Day:**



* **Backup Job Status Report:**

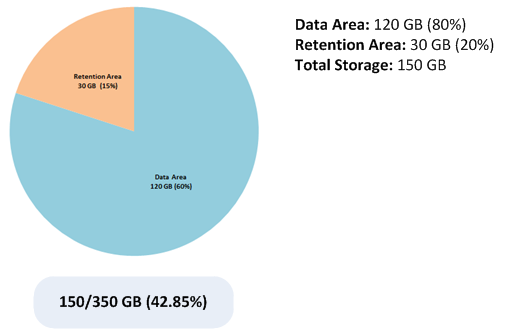


* + Ngoài ra, phần này còn có một số thông tin phụ khác như:
    - Loại Backup set: Type của Backup set (File, SQL Server, Exchange Server,…)
    - Tên Backup set: Là link khi click vào thì bay đến trang “Report – Backup set” của Backup set đó
    - Link “Detailed Log” để click vào bay đến trang **“Report – Detailed Backup Log”?**
  + Show report của tất cả các Backup set mà Admin account có

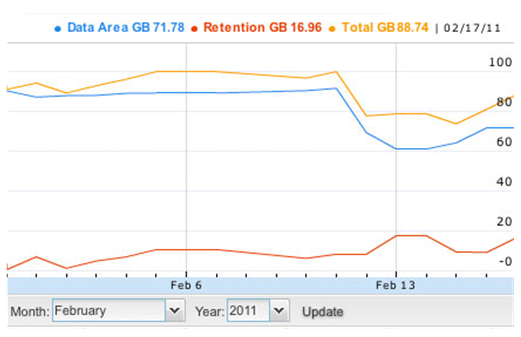
## Report - Backup set – Manager, Admin, VnttAdmin (Duy + Phi)

#### Chi tiết

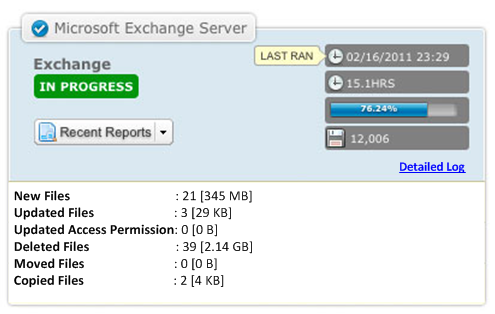
* **Storage Overview:**



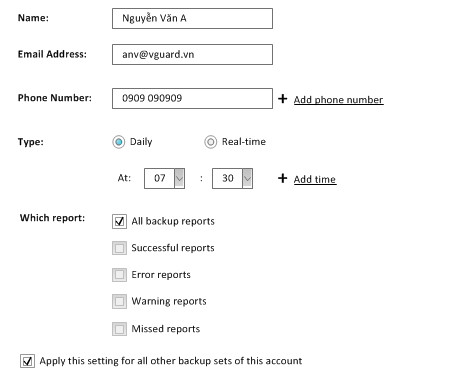
* **Breakdown by Day:**



* **Backup Job Status Report:**



* + - Danh sách các Backup job trước đó:
      * Show danh sách các Backup job trước đó (Recent Reprts).
      * Danh sách là Listbox (Listview) show các thông tin tổng quan như: Ngày giờ, Kết quả (Missed, Success, Failed, Warning)
      * Khi user click vào thì show ra report chi tiết
  + Ngoài ra, phần này còn có một số thông tin phụ khác như:
    - Loại Backup set: Type của Backup set (File, SQL Server, Exchange Server,…)
    - Tên Backup set: Là link **khi click vào thì bay** đến trang “Report – Backup set” của Backup set đó
    - Link “Detailed Log” để **click vào bay đến** trang “Report – Detailed Backup Log”
* **Email & SMS Settings: (Reuse 4.13)**



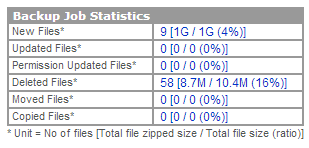
## Report – Detailed Backup Logs - All roles (Duy + Phi)

#### Chi tiết

* **Backup Job Summary:**



* **Backup Job Statistics:**



### Cách thực hiện

* Get dữ liệu từ OBS Server và show lên.

## System Log (Ngoc + Phi)

### Mục đích

* Show chi tiết log của tất cả Admin account lưu trong OBS Server
* Show chi tiết các log mà user thao tác với Portal: Manager account account, Admin account

### Phân tích chức năng

#### Tổng quan

* Đây là chức năng show dữ liệu dạng text
* Có 2 loại Log:
  + Manager account: Đây là tài khoản không có trong OBS Server. Do đó, mọi thao tác chỉ có thể thực hiện qua Portal 🡪 Show log các thao tác mà user này thực hiện với Portal: Đổi password, Xóa backup set, Sửa backup set,…
  + Admin account: Các thao tác của tài khoản này có thể thực hiện từ Portal hoặc trên phần mềm (vGuard Lite, vGuard Pro). Show log trên OBS Server lẫn log trong DB của Portal.

#### Chi tiết

* **Log của Manager account:**
  + Log các thao tác mà tài khoản này thực hiện trên Portal:
    - Login, logout
    - Add/Edit/Delete Admin account
    - …
* **Log của Admin account:**
  + Log các thao tác mà tài khoản này thực hiện trên Portal:
    - Login, logout
    - Add/Edit/Delete Admin account
    - …
  + Log các thao tác mà tài khoản này thực hiện trên OBS Server (với phần mềm vGuard Pro):
    - Nội dung lấy trực tiếp từ OBS Server

### Cách thực hiện

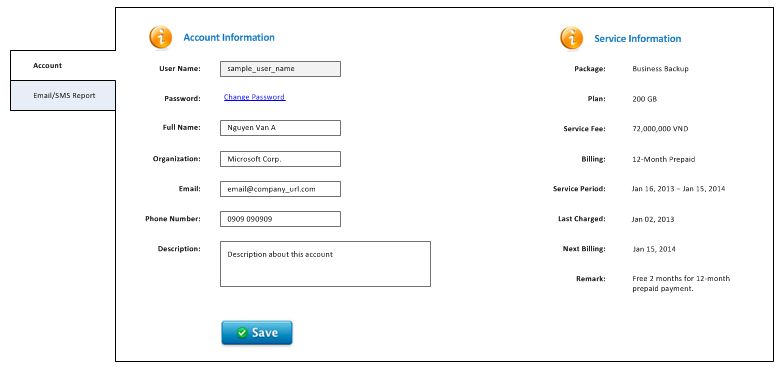
* Với log của Admin account, truy xuất từ OBS Server
* Với log của Manager account và các thao tác trên Portal của Admin account, truy xuất từ OBS Server và trong DB Portal

## Download (Vntt + Phi)

## Account Settings (Phuc + Duy)

### Mục đích

* Cho phép user xem và thực hiện các setting.

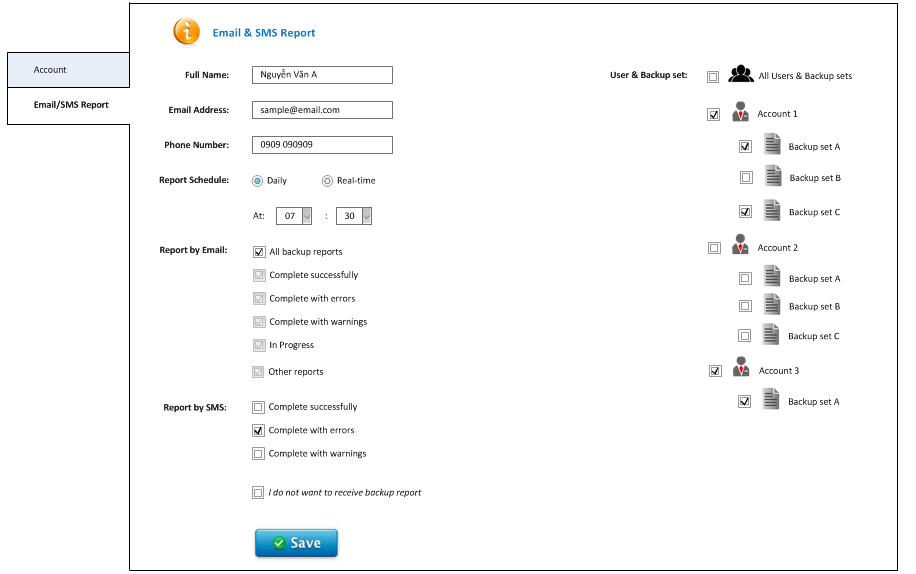


## Account Settings – Email/SMS Report

### Mục đích

* Cho phép user cấu hình các thông số để Report Send App gửi report kết quả backup qua Email/SMS

#### Chi tiết



### Cách thực hiện

* **Việc sử dụng các setting này để gửi report sẽ do Report Sender App đảm trách**

# Các phân hệ phía VNTT

# Phân hệ Admin

## Quản lý gói dịch vụ ( 🡪 Phi)

**Enterprise Backup**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Dung lượng | 200 GB | 500 GB | 1 TB | 2 TB | 3 TB | 5 TB | 10 TB | 20 TB |
| Giá tiền | 3.390.000 | 6.390.000 | 9.390.000 | 16.390.000 | 23.390.000 | 35.390.000 | 60.390.000 | 110.390.000 |

**Business Backup**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Dung lượng | 20 GB | 50 GB | 100 GB | 200 GB | 300 GB | 500 GB | 1 TB | 2 TB |
| Giá tiền | 590.000 | 1.390.000 | 2.390.000 | 3.390.000 | 4.390.000 | 6.390.000 | 9.390.000 | 16.390.000 |

**Personal Backup**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Dung lượng | 10 GB | 20 GB | 30 GB | 50 GB | 100 GB | 200 GB | 500 GB |
| Giá tiền | 190.000 | 290.000 | 390.000 | 590.000 | 990.000 | 1.490.000 | 3.390.000 |

**Free Backup**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Dung lượng | 2 GB | 5 GB |
| Giá tiền | 0 | 0 |

Các gói dịch vụ và chi tiết trong từng gói dịch vụ có thể thay đổi

## Quản lý thông tin KH (Phuc 🡪 Phi)

Có 2 loại KH: Cá nhân , Tổ chức. Tùy theo mỗi loại KH mà thông tin sẽ khác nhau.

### Cá nhân

* Thông tin khách hàng:
  + Họ tên, Giới tính, Địa chỉ, Phone, Email, Ghi chú
* Thông tin dịch vụ:
  + Loại tài khoản: Paid user, Trial user, Gói dịch vụ, Dung lượng lưu trữ, Giá tiền, Số tài khoản vGuard Pro tối đa, Số tài khoản vGuard Lite tối đa
  + OBS Server: Chỉ định OBS Server sẽ mà sau này khi Manager account tạo Admin account, hệ thống sẽ tạo tài khoản cho Admin account trên OBS Server đã chỉ định ở đây 🡪 Hệ thống không cần quan tâm chuyện các OBS Server có còn đủ dung lượng hay không, người Admin hệ thống có trách nhiệm đảm bảo OBS Server còn đủ dung lượng để đáp ứng cho KH
  + Ngày khởi tạo, Ngày kết thúc, Ghi chú
* Thông tin tài khoản Manager (mỗi KH có 1 tài khoản Manager):
  + Họ tên, Giới tính, Tên đăng nhập, Email, Mật khẩu, Ghi chú

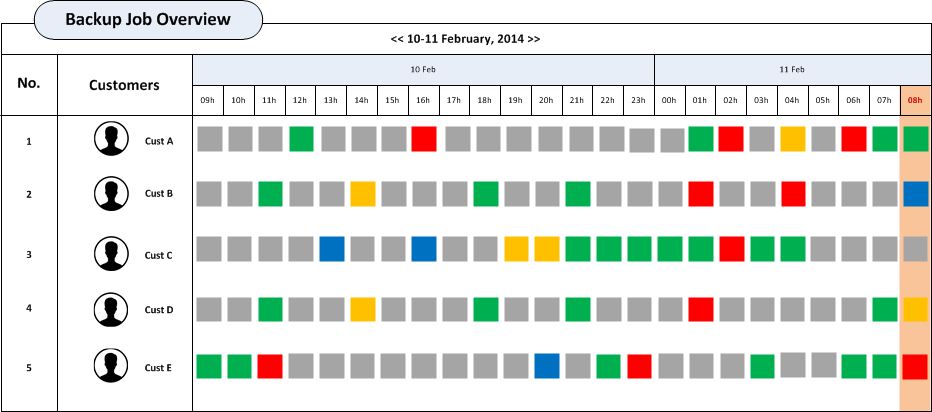
### Tổ chức

* **Thông tin đơn vị:**
  + **Tên công ty/đơn vị**, Địa chỉ: **Tách riêng Tỉnh/Thành** để sau này để thống kê, Phone, Fax, Email, Quốc gia/Xuất xứ: Việt Nam, Nhật Bản, Hoa Kỳ,…, Ghi chú
* Thông tin người liên hệ:
  + Họ tên, Giới tính, Chức vụ, Phone, Email, Ghi chú
* Thông tin dịch vụ:
  + Loại tài khoản: Paid user, Trial user, Gói dịch vụ, Dung lượng lưu trữ, Giá tiền,Số tài khoản vGuard Pro tối đa, Số tài khoản vGuard Lite tối đa
  + OBS Server: Chỉ định OBS Server sẽ mà sau này khi Manager account tạo Admin account, hệ thống sẽ tạo tài khoản cho Admin account trên OBS Server đã chỉ định ở đây 🡪 Hệ thống không cần quan tâm chuyện các OBS Server có còn đủ dung lượng hay không, người Admin hệ thống có trách nhiệm đảm bảo OBS Server còn đủ dung lượng để đáp ứng cho KH
  + Ngày khởi tạo, Ngày kết thúc, Ghi chú
* Thông tin tài khoản Manager (mỗi KH có 1 tài khoản Manager):
  + Họ tên, Giới tính, Tên đăng nhập, Email, Mật khẩu, Ghi chú

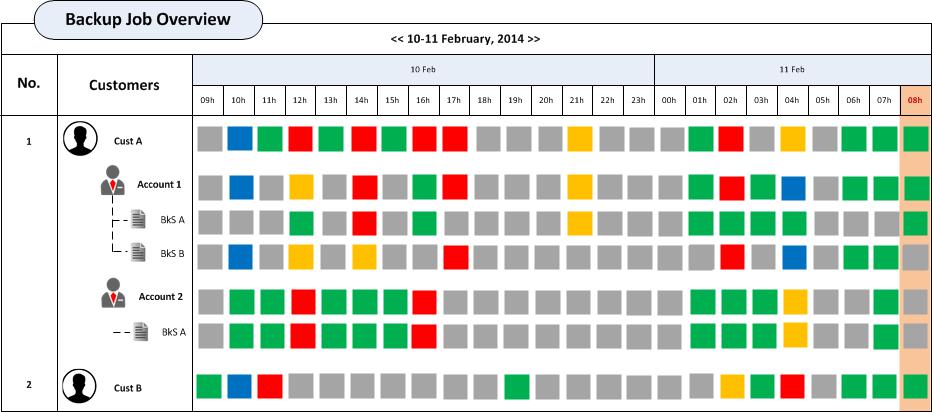
Cần có các chức năng cho phép thống kê khách hàng theo các tiêu chí khác nhau: Ngày khởi tạo, Dung lượng, Gói dịch vụ, Giá tiền,…

## Theo dõi tình trạng backup (🡪Phi + Phuc: Core UI)

* Giao diện: Show dạng report **toàn màn hình**
* Chức năng:
  + Show tình trạng backup theo thời gian thực trong vòng 24 giờ (cho đến thời điểm hiện tại) của tất cả KH: No backup job, In Progress, Missed, Successful, Warning, Error
  + Đơn vị thời gian trong report là giờ
  + Tần suất lấy report là 5 phút/lần
  + Highlight cột report ở giờ hiện tại để dễ theo dõi



*Tình trạng backup với thời điểm hiện tại là 08h*



*Xem chi tiết hơn tình trạng Admin account và Backup set*

* + Khi cần xem chi tiết tình trạng account hoặc Backup set của 1 KH thì click vào KH đó để show ra. Nếu cần xem chi tiết tình trạng chạy của 1 Backup job thì click vào Backup set để chuyển đến trang show chi tiết tình tạng của Backup set (Chức năng 1.4)
* Phân trang: Cho phép user chọn show tất cả record (tất cả KH), show 50/100/… record/page, hoặc show theo nhóm tên KH bắt đầu bằng ký tự A-B-C, D-E-F,…

**Quan trọng**: Cho phép user thay đổi thứ tự trên dưới của các record.

## Xem chi tiết tình trạng Backup set – Reuse 4.8 (Phi)

Khi theo dõi tình trạng backup (chức năng 1.3), nếu cần xem chi tiết tình trạng của 1 Backup set nào đó, user có thể click vào Backup job để show ra chi tiết tình trạng Backup set.

Chức năng Xem chi tiết tình trạng Backup set giống với chức năng **4.8 Report - Backup set** ở phân hệ dành cho Customer.

## Quản lý thông tin OBS Server (Phi)

Admin thuận tiện nắm bắt tình trạng hệ thống và dịch vụ:

* Danh sách KH (và Admin account) ở từng OBS Server
* Biểu đồ dung lượng lưu trữ từng OBS Server:
  + Dung lượng đã sử dụng
  + Dung lượng còn trống

Lưu ý: Các chức năng về quản lý hệ thống mà Portal cần xây dựng ở giai đoạn này chỉ ở **cấp độ cơ bản.**

## Quản lý thao tác phục hồi (Phi)

Portal thu thập thông tin về thao tác phục hồi của từng account để show lên cho Admin xem. Nếu phát hiện thấy thao tác phục hồi bất thường, Admin sẽ thông báo đến KH.

Nâng cấp hơn nữa, chức năng này cung cấp cảnh báo theo thời gian thực (dạng bật popup) để người Admin có thể ngay lập tức biết được thao tác phục hồi và kiểm tra chi tiết để thông báo đến KH nếu thấy có gì bất thường.

Ngoài ra, trên cơ sở chức năng này, **có thể phát triển thêm chức năng** tự động gửi Email/SMS cho KH khi có thao tác phục hồi.

Nếu làm được chức năng này thì đây là **tính năng rất quan trọng** của dịch vụ vGuard Cloud Backup.

Các thông tin cần show ở chức năng này:

* Tên KH, Tên account (Admin account), Restore time, IP Address: IP của máy tính tiến hành phục hồi

Khi cần xem chi tiết, user click vào popup để show màn hình danh sách các thao tác phục hồi của account/KH đó. Thông tin cần show:

* Restore time: Bắt đầu, Kết thúc, Tên account, Dung lượng phục hồi, IP Address: IP của máy tính tiến hành phục hồi ?

Cách thực hiện: Với chức năng này, OBS Server không cung cấp API để lấy danh sách các thao tác phục hồi. Tuy nhiên, trong folder /usr/local/obsr/system/RestoreLog của OS có lưu file log mỗi thao tác phục hồi (mỗi lần phục hồi của 1 Admin account là 1 file log).

## Quản lý thao tác thay đổi settings

**Chức năng này có thể chưa cần thực hiện vào thời điểm này. Vì khá phức tạp. Và độ cần thiết không bằng chức năng 1.6 Quản lý thao tác phục hồi.**

# Phân hệ Sub-Admin (Chỉ view) - Reuse 4.2 (Phi)

Lưu ý: Vì các chức năng ở phân hệ này chủ yếu phục vụ việc theo dõi 24/24, nên không có thời gian timeout với 1 account. Khi cần log out thì user chủ động log out.

## Chức năng

Phân hệ này gồm có một số chức năng của phân hệ Admin, đó là:

* Theo dõi tình trạng backup (**Reuse 4.2**)
* Quản lý thao tác phục hồi
* Quản lý thao tác thay đổi settings (chưa cần triển khai)

Các chức năng cần phải lấy dữ liệu theo thời gian thực.

**Report Sender App**